

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DSST

Ngày: 16- 10- 2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đóa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tình
2. Bà Đỗ Thị Hằng

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Tiến Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 15/2018/TLST-DS ngày 21/03/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 - Có mặt

Nơi cư trú: Xóm 4, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Ông Trần Huy G, sinh năm 1957 - vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 1, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và các lời khai tại Tòa án cũng như quá trình tố tụng tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Ông Trần Huy G có địa chỉ khối 1, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An có mua sơn, bột bả, lãn, chổi, giấy nhám, đá mài về xây dựng công trình của ông G cụ thể như sau: vào ngày 09/10/2009: mua bột bả ngoại thất: 15 bì x 220.000đ = 3.300.000đ, bột bả nội thất: 10 bì x 160.000đ = 1.600.000đ; ngày 13/10/2009: bột bả nội thất: 50 bì x 160.000đ = 8.000.000đ; ngày 24/10/2009 bột bả nội thất 15 bì x 160.000đ = 2.400.000đ, bột bả ngoại thất: 15 bì x 220.000đ = 3.300.000đ; ngày 21/11/2009: bột bả nội thất 20 bì x 160.000đ = 3.200.000đ; ngày 12/12/2009: bột bả nội thất 10

x 160.000đ = 1.600.000đ, bột bả ngoại thất: 5 bì x 220.000đ = 1.100.000đ; ngày 18/12/2009 bột bả nội thất 02 bì x 160.00đ = 320.000đ; ngày 22/12/2009: bột bả nội thất: 20 bì x 160.00đ = 3.200.000đ, sơn trong mã 0481 loại 18 L: 50 thùng x 715.000đ = 35.750.000đ, sơn siêu trắng loại 18L: 20 thùng x 695.000đ = 13.900.000đ, bột bả ngoại thất: 05 bì x 220.000đ = 1.100.000đ; ngày 29/01/2010: Sơn siêu trắng loại 5L: 02 thùng x 545.000đ = 1.090.000đ, sơn siêu trắng loại 18L: 02 thùng x 715.000đ = 1.430.000đ, sơn trong mã 0812 loại 18L: 02 thùng x 715.000đ = 1.430.000đ, sơn trong mã 5292 loại 18L: 02 thùng x 715.000đ = 1.430.000đ, ngày 31/01/2010: bột bả ngoại thất: 05 bì x 220.000đ = 1.100.000đ, bột bả nội thất 10 bì x 160.000đ = 1.600.000đ, sơn trong mã 5403 loại 1L: 01 thùng x 75.000đ = 75.000đ, sơn trong mã 5238 loại 1L: 02 thùng x 75.000đ = 150.000đ; ngày 06/02/2010: sơn Semi trắng mã 111 loại 5 L: 04 thùng x 545.000đ = 2.180.000đ; ngày 08/02/2010: sơn calis mã 5403 loại 5L: 01 thùng x 337.000đ = 337.000đ; ngày 02/3/2010: bột bả ngoài: 15 bì x 220.000đ = 3.300.000đ; ngày 25/03/2010: bột bả ngoài: 10 bì x 220.000đ = 2.200.000đ, sơn siêu trắng 18L: 05 thùng x 715.000đ = 3.575.000đ; ngày 31/3/2010: bột bả nội thất: 15 bì x 160.000đ = 2.400.000đ; ngày 26/3/2010: chổi quét sơn 10 cái x 15.000đ = 150.000đ; ngày 16/4/2010: bột bả ngoài: 04 bì x 220.000đ = 880.000đ, bột bả ngoài : 06 bì x 220.000đ = 1.320.000đ, sơn lót ngoài loại 5L: 04 thùng x 455.000đ = 1.820.000đ; ngày 17/4/2010: sơn lót ngoài loại 18 L: 04 thùng x 1.250.000đ = 5.000.000đ, sơn hyny mã 5447 loại 1L: 01 thùng x 110.000đ = 110.000đ; Sơn hyny mã 5449 loại 1L: 01 thùng x 112.000đ = 112.000đ; ngày 20/4/2010: lần 1: sơn hyny mã 5447 loại 5L: 02 thùng x 498.000đ = 996.000đ, sơn hyny mã 5449 loại 5L: 01 thùng x 502.000đ = 502.000đ; Lần 2: sơn tường hyny mã 5447 loại 5L: 22 thùng x 498.000đ = 10.956.000đ, sơn chỉ hyny mã 5449 loại 5L: 05 thùng x 502.000đ = 2.510.000đ; ngày 27/4/2010: sơn siêu trắng loại 18L: 02 thùng x 715.000đ = 1.430.000đ; ngày 02/5/2010: bột bả ngoài: 02 bì x 220.000đ = 440.000đ, bột bả trong: 03 bì x 160.000đ = 480.000đ; ngày 08/5/2010: sơn siêu trắng loại 18L: 02 thùng 715.000đ = 1.430.000đ, bột bả trong: 02 bì x 160.000đ = 320.000đ, bột bả ngoài: 05 bì x 220.000đ = 1.100.000đ; ngày 12/6/2010: bột bả: 09 bì x 220.000đ = 1.980.000đ, giấy nhám 100 tờ x 800đ = 80.000đ; ngày 15/6/2010: sơn chỉ hyny 5449: 04 thùng x 502.000đ = 2.008.000đ; ngày 22/6/2010: bột bả MCL: 03 bì x 320.000đ = 960.000đ; ngày 01/7/2010: sơn lót kiềm loại 18L: 01 thùng x 1.495.000đ = 1.495.000đ, bột bả bì MCL: 01 bì x 320.000đ = 320.000đ, chổi số 3: 01 cái x 15.000đ = 15.000đ; ngày 04/7/2010: sơn hyny mã 5449 loại 5L: 02 thùng x 525.000đ = 1.050.000đ, sơn hyny mã 5447 loại 5L: 02 thùng x 505.000đ = 1.010.000đ, bột bả MCL bì: 01 bì x 325.000đ = 325.000đ; ngày 18/7/2010: bả MCL bì: 04 bì x 325.000đ = 1.300.000đ; ngày 21/7/2010: bả bì MCL: 02 bì x 350.000đ = 700.000đ; ngày 23/7/2010: giấy nhám 50 tờ x 1.000đ = 50.000đ, con lăn sơn to: 02 cái x 12.000đ = 24.000đ, chổi số 3: 02 cái x 15.000đ = 30.000đ; ngày 23/7/2010: sơn trong IKA mã 111 loại 18L: 01 thùng x 745.000đ = 745.000đ; ngày 25/7/2010 sơn trong IKA mã 111 loại 18L: 01 thùng x 795.000đ = 795.000đ; ngày 30/8/2010: bột bả MCL bì: 06 bì x 250.000đ = 1.500.000đ; gày 06/9/2010: Đá mài và con lăn: 05 cái x 12.000đ = 60.000đ, chổi số 3: 10 cái x 15.000đ =

150.000đ; ngày 07/9/2010: sơn trong nhà mã 0481 loại 18L: 10 thùng x 998.000 = 9.980.000đ, sơn siêu trắng loại 18L: 02 thùng x 845.000đ = 1.690.000 đ, lăn sơn: 01 cái x 10.000đ = 10.000đ; ngày 08/9/2010 lần 1: sơn siêu trắng loại 18L: 01 thùng x 845.000đ = 845.000đ; Lần 2: sơn siêu trắng loại 18 L: 02 thùng x 845.000đ = 1.690.000đ; ngày 12/9/2010: sơn trong nhà mã 0481 loại 18L: 02 thùng x 998.000đ = 1.996.000đ; ngày 15/9/2010: bột bả MCL: 10kg x 10.000đ = 100.000đ; ngày 18/9/2010: semi sơn ngoài mã 5300 loại 5L: 01 thùng x 736.000đ = 736.000đ, Hynny sơn ngoài mã 5350 loại 5L: 01 thùng x 715.000đ = 715.000đ, Hynny sơn tường ngoài 5447 loại 5L: 01 thùng x 505.000đ = 505.000đ, Hynny sơn chỉ 5449 loại 5L: 01 thùng 525.000đ = 525.000đ.

Tổng cộng số tiền ông G mua hàng hóa là 161.152.000đ (một trăm sáu mươi một triệu một trăm năm mươi hai nghìn) đồng. Ông G đã trả được 31.000.000đ (ba mươi một triệu) đồng. Cụ thể các ngày trả nợ như sau: ngày 31/01/2011 trả được: 10.000.000đ, ngày 06/5/2011 trả được: 7.000.000đ, ngày 09/12/2011 trả được: 5.000.000đ, ngày 26/4/2012 trả được: 2.000.000đ, ngày 18/01/2013 trả được: 2.000.000đ và ngày 25/01/2017 trả được số tiền là 5.000.000đ. Ông G còn nợ của chị Th số tiền là 130.152.000đ. Kể từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay ông G không chịu trả nợ cho chị Th được thêm đồng nào nữa, mặc dù chị đã nhiều lần trực tiếp ông G để đòi tiền nhưng ông G cứ khất lần này qua lần khác mà không chịu trả nợ cho chị. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Huy G trả nợ tiền mua hàng hóa còn thiếu cho chị là 130.152.000đ (một trăm ba mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

- Phía bị đơn ông Trần Huy G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai của ông G. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại nơi cư trú của ông G. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Trần Huy G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Huy G nhiều lần nhưng ông G cố tình trốn tránh gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông G đến tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhưng ông G vắng mặt không có lý do nên đã tiến hành hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần 2, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai cho ông G nhưng ông G vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Huy G.

Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại khối 1, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kèm theo tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là sổ kê khai mua bán hàng hóa, bảng kê đối chiếu nợ, chữ ký xác nhận nợ của ông Trần Huy G ngày 25/01/2017 có cơ sở xác định vào thời gian từ ngày 09 tháng 10 năm 2009 đến ngày 20 tháng 12 năm 2010, chị Nguyễn Thị Th đã nhiều lần bán cho ông Trần Huy G các loại hàng hóa cụ thể: Sơn, bột bả, giấy nhám, lăn, chổi đá mài với tổng số tiền là 161.152.000đ (một trăm sáu mươi một triệu một trăm năm mươi hai nghìn) đồng. Ông G đã trả được cho chị Th nhiều lần với số tiền là 31.000.000đ (ba mươi một triệu) đồng. Hiện ông G còn nợ của chị Th là số tiền là: 130.152.000đ. Nay chị Th đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông G trả cho chị Th số tiền mua hàng còn thiếu là: 130.152.000đ (Một trăm ba mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Huy G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Th cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 130.152.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự 2005.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th buộc bị đơn ông Trần Huy G có nghĩa vụ trả cho chị Th số tiền còn nợ là: 130.152.000đ (Một trăm ba mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng), chị Th không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông Trần Huy G là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.253.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001591 ngày 20/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Huy G trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền còn nợ là: 130.152.000đ (*Một trăm ba mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Trần Huy G được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.253.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001591 ngày 20/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS. Quỳnh Lưu;
- Thi hành án Quỳnh Lưu;
- Lưu hồ sơ- VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thị Đoá